

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3
MÔN: TIẾNG ANH 8 GLOBAL SUCCESS
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	2. C	3. A	4. B	5. having
6. talk	7. Walking	8. to watch	9. better	10. tiring
11. outdoors	12. strength	13. playing	14. hospitably	15. D
16. D	17. D	18. A	19. C	20. B
26. carry	27. more	28. of	29. higher	30. than
31. rumours	32. safe	33. offensive	34. report	35. balancing
36. B	37. C	38. A	39. B	40. A

21. mean words, physical actions, exclusion

22. a quarter of students

23. No, it occurred less frequently

24. creating rules

25. bullying goes down a lot

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Exercise 1.

1.

Kiến thức: Phát âm “th”

Giải thích:

A. earthquake /'ɜ:θ.kweɪk/

B. breathe /bri:ð/

C. thousand /'θaʊ.zənd/

D. threaten /'θret.ən/

Đáp án B.

2.

Kiến thức: Phát âm “s”

Giải thích:

A. landslide /'lænd.slaɪd/

B. disaster /dɪ'zɑː.stər/

C. absorb /əb'zɔːb/

D. instantly /'ɪn.stənt.li/

Đáp án C.**Exercise 2.**

3.

Kiến thức: Trọng âm**Giải thích:**

A. nomadic /nəʊ'mæd.ɪk/

B. colourful /'kʌl.ə.fəl/

C. generous /'dʒen.ər.əs/

D. countryside /'kʌn.tri.saɪd/

Các đáp án B, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án A trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án A.

4.

Kiến thức: Trọng âm**Giải thích:**

A. opportunity /,ɒp.ə'tjuː.nə.ti/

B. facility /fə'sɪl.ə.ti/

C. inconvenient /,ɪn.kən'viː.ni.ənt/

D. optimistic /,ɒp.tə'mɪs.tɪk/

Các đáp án A, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 1, đáp án B trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án B.**Exercise 3.**

5.

Kiến thức: Động từ chỉ sự thích/ghét.**Giải thích:** Cấu trúc “detest + V-ing”: ghét làm gì**Tạm dịch:** Hầu hết học sinh đều ghét phải làm bài tập về nhà vào cuối tuần.**Đáp án: having.**

6.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu**Giải thích:** Cấu trúc “should + V-inf”: nên làm gì**Tạm dịch:** Bất cứ khi nào bị bắt nạt, bạn nên nói chuyện với giáo viên của mình.**Đáp án:** talk.

7.

Kiến thức: Danh động từ**Giải thích:** Cần một danh động từ làm chủ ngữ cho câu.**Tạm dịch:** Đi dạo quanh những khu vực có cây xanh, không khí trong lành có thể giúp con người giải tỏa căng thẳng.**Đáp án:** Walking.

8.

Kiến thức: Động từ to “to”**Giải thích:** Cấu trúc (don't) need + to V: (không) cần làm gì**Tạm dịch:** Bạn không cần xem chương trình này nếu bạn không thích nó.**Đáp án:** to watch.

9.

Kiến thức: Câu so sánh hơn**Giải thích:** Dấu hiệu: câu có từ so sánh “than”; dạng so sánh hơn của trạng từ “well” là “better”.**Tạm dịch:** Sau khóa học với giáo viên bản xứ, Nam có thể nói tiếng Anh tốt hơn trước.**Đáp án:** better.

10.

Kiến thức: Tính từ**Giải thích:** Trong câu này “it” là danh từ chỉ tính chất của sự việc nên sau nó cần tính từ đuôi -ing.**Tạm dịch:** Tôi không thực sự thích chơi thể thao vì nó gây mệt mỏi.**Đáp án:** tiring.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Cụm danh từ “the outdoors”: thiên nhiên, những nơi xa thành thị

Tạm dịch: Trong thời gian rảnh rỗi, tôi thường đến một số ngôi làng ở ngoại ô để tận hưởng thiên nhiên.

Đáp án: outdoors.

12.

Kiến thức: Cụm danh từ

Giải thích: Cần một danh từ đi cùng với “muscle” để tạo thành cụm danh từ “muscle strength: sức mạnh cơ bắp”.

Tạm dịch: Chơi cầu lông giúp tôi giảm căng thẳng và cải thiện sức mạnh cơ bắp.

Đáp án: strength.

13.

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích: Cấu trúc “give up + V-ing”: từ bỏ làm gì.

Tạm dịch: Anh trai của anh ấy đã nghỉ chơi bóng đá vì bị gãy chân.

Đáp án: playing.

14.

Kiến thức: Trạng từ

Giải thích: Cần một trạng từ đứng sau động từ, “treat sb + adv”: đối xử với ai như thế nào.

Tạm dịch: Người dân bản địa ở Tả Van ở Sa Pa rất tốt bụng và đối xử hiếu khách với du khách.

Đáp án: hospitably.

Exercise 4.

15.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

A. although: mặc dù

B. but: nhưng (đứng sau một dấu phẩy)

C. so: vì thế, do vậy

D. however: tuy nhiên (đứng sau dấu chấm phẩy và đứng trước dấu phẩy)

Tạm dịch: Đăng ảnh cá nhân lên mạng xã hội rất thú vị; tuy nhiên, đôi khi nó có thể mang lại nhiều vấn đề.

Đáp án D.

16.

Kiến thức: Câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu: có từ “than”; sau động từ “live” cần một trạng từ; dạng so sánh hơn của trạng từ “healthily” là “more healthily”.

Tạm dịch: Mọi người có xu hướng sống lành mạnh hơn trong không gian trong lành và rộng mở ở nông thôn hơn là ở thành phố ô nhiễm.

Đáp án D.

17.

Kiến thức: Câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu: có từ “than”; sau động từ “ran” cần một trạng từ; dạng so sánh hơn của trạng từ “enjoyably” là “more enjoyably”.

Tạm dịch: Họ chạy xuyên rừng thú vị hơn so với các tuyến đường thông thường.

Đáp án D.

18.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

A. otherwise: nếu không thì

B. moreover: hơn nữa

C. therefore: do đó

D. however: tuy nhiên

Tạm dịch: Bạn cần học chăm chỉ hơn và tập trung trong lớp; nếu không, bạn sẽ không vượt qua được bài kiểm tra vào tuần tới.

Đáp án A.

19.

Kiến thức: Từ vựng

A. load (v): chất lên

B. unload (v): dỡ xuống (khỏi cái gì)

C. herd (v): chăn (gia súc)

D. catch (v): bắt

Tạm dịch: Nhìn kia! Chú tôi đang đỡ hàng hoá xuống từ phía sau xe tải.

Đáp án B.

20.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. connect (v): kết nối

B. concentrate (v): tập trung

C. show off (v): thể hiện, khoe

D. bully (v): bắt nạt

Tạm dịch: Alice thích chơi cờ vì cô ấy nghĩ nó có thể giúp cô ấy tập trung tốt hơn.

Đáp án B.

Exercise 5.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Một số hình thức bắt nạt là gì?

Thông tin: It can involve mean words, physical actions, or exclusion which means excluding someone from a group.

Tạm dịch: Nó có thể bao gồm những lời nói ác ý, hành động thể chất hoặc sự loại trừ có nghĩa là loại trừ ai đó khỏi một nhóm.

Đáp án: mean words, physical actions, exclusion.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Có bao nhiêu học sinh tiểu học ở Anh cho biết bị bắt nạt?

Thông tin: A study done in British primary schools found that about a quarter of students said they were bullied.

Tạm dịch: Một nghiên cứu được thực hiện ở các trường tiểu học ở Anh cho thấy khoảng 1/4 học sinh cho biết các em bị bắt nạt.

Đáp án: a quarter of students.

23.

Kiến thức:**Giải thích:** Bắt nạt có xảy ra thường xuyên hơn ở trường trung học không?**Thông tin:** In secondary schools, there was less bullying, with about one in twenty-five cases being persistent but harder to deal with.**Tạm dịch:** Ở các trường trung học, tình trạng bắt nạt ít xảy ra hơn, với khoảng 1/25 trường hợp dai dẳng nhưng khó giải quyết hơn.**Đáp án: No, it didn't.**

24.

Kiến thức: Đọc hiểu**Giải thích:** Trường học đang làm gì để ngăn chặn bắt nạt?**Thông tin:** and schools are creating rules to stop it.**Tạm dịch:** và các trường học đang xây dựng các quy định để ngăn chặn hành vi này.**Đáp án: creating rules.**

25.

Kiến thức: Đọc hiểu**Giải thích:** Theo các nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau, đi đâu gì được mong đợi khi nhà trường hành động?**Thông tin:** Studies in different countries have shown that when schools take action, bullying goes down a lot.**Tạm dịch:** Các nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau đã chỉ ra rằng khi trường học hành động, tình trạng bắt nạt sẽ giảm đi rất nhiều.**Đáp án: bullying goes down a lot.****Dịch bài đọc:**

Bắt nạt

Bắt nạt là một vấn đề lớn xảy ra theo nhiều cách khác nhau. Nó có thể bao gồm những lời nói ác ý, hành động thể chất hoặc sự loại trừ có nghĩa là loại trừ ai đó khỏi một nhóm. Một nghiên cứu được thực hiện ở các trường tiểu học ở Anh cho thấy khoảng 1/4 học sinh cho biết các em bị bắt nạt và một số em cho biết việc này xảy ra rất nhiều. Ở các trường trung học, tình trạng bắt nạt ít xảy ra hơn, với khoảng 1/25 trường hợp dai dẳng nhưng khó giải quyết hơn.

Trước đây, các trường học không phải lúc nào cũng thừa nhận rằng bắt nạt đang xảy ra vì họ không biết nhiều về nó hoặc không có công cụ phù hợp để xử lý nó. Nhưng bây giờ, mọi thứ đang thay đổi. Mọi người bắt đầu nhận ra hành vi bắt nạt nghiêm trọng như thế nào và các trường học đang xây dựng các quy định để ngăn chặn hành vi này. Họ làm điều này vì họ biết điều đó quan trọng, họ có đủ nguồn lực để trợ giúp và họ thấy rằng những nỗ lực của họ có thể tạo ra sự khác biệt. Các nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau đã chỉ ra rằng khi trường học hành động, tình trạng bắt nạt sẽ giảm đi rất nhiều. Nhìn chung, mọi người đang nỗ lực ngăn chặn nạn bắt nạt trong trường học. Họ hiểu rằng điều đó gây tổn thương cho học sinh và muốn đảm bảo rằng mọi người đều cảm thấy an toàn.

Exercise 6.

26.

Kiến thức: Từ vựng về cụm động từ

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một động từ đi cùng với “out” để tạo thành cụm động từ mang nghĩa “thực hiện”.

Tạm dịch: Trong những năm qua, công nghệ đã thay đổi cách nông dân thực hiện các hoạt động hàng ngày của họ.

Đáp án: carry.

27.

Kiến thức: Trạng từ

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một trạng từ mang nghĩa “nhiều hơn”.

Tạm dịch: Tuy nhiên, với sự ra đời của các công nghệ mới, ... giờ đây nông dân có thể làm việc hiệu quả và chính xác hơn.

Đáp án: more.

28.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một giới từ đi với danh từ “cost”.

Tạm dịch: Những tiến bộ công nghệ này đã giúp nông dân giảm thiểu chất thải, bảo tồn tài nguyên và giảm chi phí sản xuất chung.

Đáp án: of.

29.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ dạng so sánh hơn đứng trước danh từ mang nghĩa “cao hơn, tốt hơn”.

Tạm dịch: Hơn nữa, các công nghệ như kỹ thuật di truyền và công nghệ sinh học đã cho phép nông dân phát triển các loại cây trồng có khả năng kháng bệnh và sâu bệnh tốt hơn, mang lại năng suất và chất lượng sản phẩm cao hơn.

Đáp án: higher.

30.

Kiến thức: Câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu: phía trước có “more +adj” => câu so sánh hơn => vị trí còn trống cần điền từ “than”.

Tạm dịch: Nhìn chung, những công nghệ tiên tiến này đã cách mạng hóa ngành nông nghiệp, giúp cho hoạt động nông nghiệp trở nên năng suất, bền vững và sinh lãi hơn bao giờ hết.

Đáp án: than.

Dịch bài đọc:

Trong những năm qua, công nghệ đã thay đổi cách nông dân thực hiện các hoạt động hàng ngày của họ. Trước đây, trồng trọt là một quá trình sử dụng nhiều lao động, thường dựa vào lao động thủ công, khiến nó trở thành một công việc cực kỳ khó khăn và tốn thời gian. Tuy nhiên, với sự ra đời của các công nghệ mới, chẳng hạn như kỹ thuật canh tác chính xác, máy kéo tự động và máy bay không người lái, giờ đây nông dân có thể làm việc hiệu quả và chính xác hơn. Những tiến bộ công nghệ này đã giúp nông dân giảm thiểu chất thải, bảo tồn tài nguyên và giảm chi phí sản xuất chung, dẫn đến tăng lợi nhuận. Hơn nữa, các công nghệ như kỹ thuật di truyền và công nghệ sinh học đã cho phép nông dân phát triển các loại cây trồng có khả năng kháng bệnh và sâu bệnh tốt hơn, mang lại năng suất và chất lượng sản phẩm cao hơn. Nhìn chung, những công nghệ tiên tiến này đã cách mạng hóa ngành nông nghiệp, giúp cho hoạt động nông nghiệp trở nên năng suất, bền vững và sinh lời hơn bao giờ hết.

Exercise 7.

31.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh từ số nhiều.

Thông tin: It can have many forms such as name calling, spreading rumours, or sharing embarrassing photos or videos.

Tạm dịch: Nó có thể có nhiều hình thức như gọi tên, lan truyền tin đồn hoặc chia sẻ những bức ảnh, video gây xấu hổ.

Đáp án: rumours.

32.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ, cấu trúc “stay +adj”.

Thông tin: it's important to understand the dangers of cyberbullying and to take steps to protect ourselves and stay safe online.

Tạm dịch: điều quan trọng là phải hiểu sự nguy hiểm của bắt nạt qua mạng và thực hiện các bước để bảo vệ bản thân và giữ an toàn trên mạng.

Đáp án: safe.

33.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một tính từ.

Thông tin: Avoid posting or sharing anything that could be hurtful or offensive to others.

Tạm dịch: Tránh đăng hoặc chia sẻ bất cứ điều gì có thể gây tổn thương hoặc xúc phạm người khác.

Đáp án: offensive.

34.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một động từ nguyên mẫu.

Thông tin: It's best to block or report them to the appropriate authorities.

Tạm dịch: Tốt nhất là chặn hoặc báo cáo chúng cho cơ quan chức năng thích hợp.

Đáp án: report.

35.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một danh động từ.

Thông tin: Finally, take care of yourself by getting enough sleep, exercise, balancing your life online and offline and spending time with friends and family.

Tạm dịch: Cuối cùng, hãy chăm sóc bản thân bằng cách ngủ đủ giấc, tập thể dục, cân bằng cuộc sống trực tuyến và ngoại tuyến cũng như dành thời gian cho bạn bè và gia đình.

Đáp án: balancing.

Bài nghe:

Cyber bullying has become a painful reality for many teenagers today. It can have many forms such as name-calling, spreading rumours, or sharing embarrassing photos or videos. As a teenager, it's important to understand the dangers of cyberbullying and to take steps to protect ourselves and stay safe online. Here are a few tips to keep in mind: First, always think before you post or share anything online. Avoid posting or sharing anything that could be hurtful or offensive to others. Second, don't respond to cyber bullies or have any interaction with them in any way. It's best to block or report them to the appropriate authorities. Third, talk to someone you trust if you're being bullied online. This could be a parent, teacher, friend or counsellor. Remember, you're not alone, and there are people who can help. Finally, take care of yourself by getting enough sleep, exercise, balancing your life online and offline and spending time with friends and family. By taking these steps, you can help protect yourself from cyber bullying and stay safe online.

Tạm dịch:

Bắt nạt trên mạng đã trở thành một thực tế gây tổn thương đối với nhiều thanh thiếu niên ngày nay. Nó có thể có nhiều hình thức như gọi tên, lan truyền tin đồn hoặc chia sẻ những bức ảnh, video gây xấu hổ. Ở tuổi thanh thiếu niên, điều quan trọng là phải hiểu được sự nguy hiểm của bắt nạt trên mạng và thực hiện các bước để bảo vệ bản thân cũng như giữ an toàn trên mạng. Dưới đây là một số lời khuyên cần ghi nhớ: Đầu tiên, hãy luôn suy nghĩ trước khi đăng hoặc chia sẻ bất cứ điều gì trực tuyến. Tránh đăng hoặc chia sẻ bất cứ điều gì có thể gây tổn thương hoặc xúc phạm người khác. Thứ hai, không phản ứng với những kẻ bắt nạt trên mạng hoặc có bất kỳ tương tác nào với họ dưới bất kỳ hình thức nào. Tốt nhất là chặn hoặc báo cáo chúng cho cơ quan chức năng thích hợp. Thứ ba, hãy nói chuyện với người mà bạn tin tưởng nếu bạn bị bắt nạt trên mạng. Đây có thể là cha mẹ, giáo viên, bạn bè hoặc người cố vấn. Hãy nhớ rằng, bạn không đơn độc và luôn có những người có thể giúp

đỡ. Cuối cùng, hãy chăm sóc bản thân bằng cách ngủ đủ giấc, tập thể dục, cân bằng cuộc sống trực tuyến và thực tế cũng như dành thời gian cho bạn bè và gia đình. Bằng cách thực hiện các bước này, bạn có thể giúp bảo vệ bản thân khỏi bắt nạt trên mạng và giữ an toàn khi trực tuyến.

Exercise 8.

36.

Kiến thức: Cấu trúc câu; liên từ; động từ chỉ sự thích/ghét.

Giải thích: Hai vế mang nghĩa đối lập => dùng liên từ “however”. Các cấu trúc: “enjoy + V-ing”: thích làm gì; “hate + V-ing”: ghét làm gì.

Tạm dịch: Tôi thích làm nghệ thuật và thủ công; tuy nhiên, tôi ghét chơi cờ.

Đáp án B.

37.

Kiến thức: Cấu trúc câu; động từ khuyết thiếu.

Giải thích: Cấu trúc “have sth for sb to + V-inf”: có cái gì cho ai đó làm gì; “can + V-inf”: có thể làm gì.

Tạm dịch: Hầu hết các trường học hiện nay đều có câu lạc bộ để học sinh tham gia để các em có thể kết bạn mới và học hỏi những điều mới.

Đáp án C.

38.

Kiến thức: Cấu trúc câu

Giải thích: Cấu trúc “It’s a pity that + clause”: Thật đáng tiếc rằng ...

Tạm dịch: Thật đáng tiếc khi một số trò chơi trực tuyến thống đang lợi tàn.

Đáp án A.

39.

Kiến thức: Cấu trúc câu; câu so sánh hơn

Giải thích: Cấu trúc câu so sánh hơn “S1 + V + (short-adj/adv + -er)/(more + long-adj/adv) + than + S2”; dạng so sánh hơn của trạng từ “slowly” là “more slowly”.

Tạm dịch: Cuộc sống ở nông thôn di chuyển chậm hơn ở thành phố.

Đáp án B.

40.

Kiến thức: Hiện tại tiếp diễn, câu so sánh hơn

Giải thích: Dấu hiệu “at the moment” => động từ chia thì hiện tại tiếp diễn (to be + V-ing).

Cấu trúc câu so sánh hơn “S1 + V + (short-adj/adv + -er)/(more + long-adj/adv) + O + than + S2”; dạng so sánh hơn của trạng từ “heavily” là “more heavily”.

Tạm dịch: Hiện tại ở trung tâm thành phố đang mưa to hơn ở ngoại ô.

Đáp án A.